

Số: /QĐ-UBND

Đức Hòa, ngày tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỉ lệ 1/2000  
thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ vào các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành quy định trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung khu vực thị trấn Đức Hòa huyện Đức Hòa tỉnh Long An; Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung khu vực thị trấn Đức Hòa huyện Đức Hòa tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 10252/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 08/5/2019 của HĐND huyện Đức Hòa Về việc thông qua đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỉ lệ 1/2000 thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Xét Tờ trình số 409/TTr-KTHT ngày 31/5/2019 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỉ lệ 1/2000 thị trấn Đức Hòa huyện Đức Hòa tỉnh Long An, bao gồm các nội dung sau:

**1. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu**

**1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới quy hoạch**

- Phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Đức Hòa huyện Đức Hòa, cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Đức Hòa Thượng;
- + Phía Nam xã Đức Hòa Hạ và một phần xã Hựu Thạnh;
- + Phía Đông giáp xã Đức Hòa Hạ;
- + Phía Tây giáp xã Hòa Khánh Đông và một phần xã Hựu Thạnh.

### 1.2. Quy mô

- Quy mô diện tích lập quy hoạch :692,20 ha.
- Chỉ tiêu dân số:
  - + Năm 2030: 50.000 người
- Chỉ tiêu đất dân dụng đến năm 2030 là **80,11m<sup>2</sup>/người**. Trong đó:
  - + Đất ở : 36,87m<sup>2</sup>/người
  - + Đất công trình công cộng : 10,29m<sup>2</sup>/người
  - + Đất cây xanh, thể dục thể thao :14,06m<sup>2</sup>/người
  - + Đất giao thông :18,89m<sup>2</sup>/người

### 2. Tính chất và chức năng đô thị

Thị trấn Đức Hòa là một trong 2 đô thị trung tâm của huyện Đức Hòa; Là khu đô thị dịch vụ đa chức năng: Đô thị - dịch vụ - thương mại.

Là khu hậu cần công nghiệp, phát triển đa dạng các loại hình nhà ở với các dịch vụ hạ tầng xã hội đồng bộ, phục vụ nhu cầu phát triển dân cư mới của thị trấn và vùng lân cận.

### 3. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu quy định	Chỉ tiêu QH
<b>A</b>	<b>Tổng diện tích đất quy hoạch</b>	<b>ha</b>		<b>692,2</b>
<b>B</b>	<b>Dân số</b>	người		50.000
	Mật độ xây dựng trung bình toàn khu	%		32,4
	Hệ số sử dụng đất trung bình toàn khu	lần		2.2
	Tầng cao	tầng		≤15
<b>C</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất</b>	m <sup>2</sup> /người	≤50	
<b>1</b>	<b>Đất trong đơn vị ở</b>			

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu quy định	Chỉ tiêu QH
1.1	Đất nhóm nhà ở	m <sup>2</sup> /người	30÷40	≥32
1.2	Đất công trình dịch vụ cấp đô thị			≥4
	-Giáo dục (mầm non + phổ thông cơ sở)	m <sup>2</sup> /người	≥2,7	≥2,7
	-Y tế	m <sup>2</sup> /người	≥0,5	≥0,5
	-Công trình thương mại dịch vụ	Công trình/ĐVƠ ha/công trình	≥1 ≥0,2	≥0,2
	-Thể dục thể thao	m <sup>2</sup> /người	≥0,5	
1.3	Đất cây xanh	m <sup>2</sup> /người	≥2	≥2,5
<b>2</b>	<b>Đất ngoài đơn vị ở</b>			
2.1	Đất công trình dịch vụ cấp đô thị			≥3
		m <sup>2</sup> /người	≥0,6	≥0,6
	-Giáo dục (trường THPT)	công trình	1 công trình/20.000 người	4
	-Y tế	m <sup>2</sup> /người	≥0,5	≥0,5
	-Công trình thương mại dịch vụ	ha/công trình	≥0,8	≥0,8
	-Thể dục thể thao	m <sup>2</sup> /người	≥2,2	≥2,2
	-Văn hóa	ha/công trình	≥0,5	≥0,5
2.2	Đất cây xanh	m <sup>2</sup> /người	5	8
		Công trình	≥1	≥3
<b>3</b>	<b>Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật</b>			
3.1	Tỉ lệ đất giao thông			
	-Tính đến đường liên khu vực	%	≥ 6	
	-Tính đến đường khu vực	%	≥ 13	≥ 13
	-Tính đến đường phân khu vực	%	≥ 18	
	-Mật độ đường	km/km <sup>2</sup>	≥2	≥2
3.2	Cấp nước sinh hoạt	lít/người-ngđ	≥100	100÷150
3.3	Thoát nước bản sinh hoạt	%Q cấp sinh hoạt	80	100÷150
3.4	Rác thải sinh hoạt	kg/người-ngđ	1	0,9÷1
3.5	Cấp điện sinh hoạt	kWh/người/năm	1000÷1500	1000÷1500

#### 4. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
<b>A</b>	<b>ĐẤT ĐƠN VỊ Ở</b>	<b>219,58</b>	<b>31,72%</b>	<b>43,91</b>
<b>A.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>184,38</b>	<b>26,63%</b>	<b>36,87</b>
1	Đất ở xây dựng mới	59,06		11,81
2	Đất ở hiện hữu chỉnh trang	125,32		25,06
<b>A.2</b>	<b>Đất công trình dịch vụ đô thị</b>	<b>20,23</b>	<b>2,92%</b>	<b>4,04</b>
1	Đất giáo dục	13,53		2,71
	<i>Trường mầm non</i>	4,51		0,84
	<i>Trường tiểu học</i>	4,88		0,98
	<i>Trường THCS</i>	4,14		0,89
2	Đất y tế	3,37		0,76
3	Đất CTCC + TMDV	3,96		0,58
<b>A.3</b>	<b>Đất cây xanh - TDTT</b>	<b>14,97</b>	<b>2,17%</b>	<b>2,90</b>
<b>B</b>	<b>ĐẤT NGOÀI ĐƠN VỊ Ở</b>	<b>472,62</b>	<b>68,28%</b>	<b>94,52</b>
<b>B.1</b>	<b>Đất công trình dịch vụ đô thị</b>	<b>31,06</b>	<b>4,49%</b>	<b>6,25</b>
1	Đất giáo dục	5,50		1,13
	<i>Trường THPT</i>	5,50		1,13
2	Đất y tế	3,36		0,68
3	Đất CTCC + TMDV	22		4,40
4	Đất hành chính chính trị	0,20		0,04
<b>B.2</b>	<b>Đất dự kiến phát triển</b>	<b>170,87</b>	<b>24,68%</b>	<b>34,17</b>
<b>B.3</b>	<b>Đất hỗn hợp (Ở + TMDV)</b>	<b>85,46</b>	<b>12,71%</b>	<b>17,58</b>

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
<b>B.4</b>	<b>Đất cây xanh + TĐTT</b>	<b>55,82</b>	<b>8,08%</b>	<b>11,16</b>
<b>B.5</b>	<b>Đất cây xanh cách ly</b>	<b>19,60</b>	<b>2,83%</b>	<b>3,91</b>
<b>B.6</b>	<b>Đất tôn giáo tín ngưỡng</b>	<b>1,19</b>	<b>0,17%</b>	<b>0,23</b>
<b>B.7</b>	<b>Đất công trình hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>2,13</b>	<b>0,30%</b>	<b>0,42</b>
1	Đất bến xe	1,20		
2	Đất trạm xử lý nước thải	0,90		
3	Trạm cấp nước	0,03		
<b>B.8</b>	<b>Đất kênh rạch, mặt nước</b>	<b>14,58</b>	<b>2,10%</b>	<b>2,91</b>
<b>B.9</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>94,46</b>	<b>13,14%</b>	<b>18,89</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>692,2</b>	<b>100%</b>	<b>138,43</b>

## 5. Quy hoạch tổ chức không gian kiến trúc cảnh cho toàn khu vực quy hoạch

### 5.1. Phân khu chức năng

Thị trấn Đức Hòa được phân thành 5 khu chức năng – đơn vị ở (quy mô dân số 4.000 – 20.000 người ) như sau:

**5.1.1. Khu ở 1:** Giới hạn bởi đường Nguyễn Văn Dương, đường D3, đường 824 và ranh thị trấn giáp xã Đức Hòa Hạ.

+ Tính chất: Khu dân cư mật độ cao, trung tâm thị trấn Đức Hòa.

+ Diện tích : 149,03 ha

+ Số dân : 12.000 người

+ Công trình trọng điểm : Công viên Võ Văn Tần, bệnh viện mới và khu trung tâm đô thị.

+ Tầng cao : 1 – 15 tầng

+ Định hướng tổ chức các không gian ở dọc tuyến đường tỉnh 825 và đường tránh, xen lẫn với các khu vực dịch vụ đô thị (UBND thị trấn, nhà văn hóa, công viên cây xanh, sân TĐTT, các khu dân cư hiện hữu chỉnh trang nằm dọc tuyến 825). Khu vực trung tâm đô thị nằm xung quanh nút giao thông đường tỉnh 824 và 825.

**5.1.2. Khu ở 2:** Giới hạn bởi đường Nguyễn Văn Dương, đường D3, và đường 825. Nằm phía Bắc thị trấn

- + Tính chất: Khu dân cư đô thị
- + Diện tích : 152 ha
- + Số dân : 8.000 người
- + Công trình trọng điểm : Trường PTTH Đức Hòa.
- + Tầng cao : 1 – 15 tầng

+ Định hướng tổ chức không gian khu ở hỗn hợp dọc đường 825 và đường D2, các công trình dịch vụ cấp đơn vị ở kết hợp với trường THPT Đức Hòa sẽ là trung tâm của khu vực này, nằm trên đường tỉnh 825. Loại hình nhà ở chủ yếu là khu dân cư xây dựng mới.

**5.1.3. Khu ở 3:** Giới hạn bởi đường D3, Nguyễn Văn Dương, ranh thị trấn (sông Láng Ven) và đường 825. Nằm phía Tây thị trấn Đức Hòa.

- + Tính chất: Khu dân cư dự kiến phát triển.
- + Diện tích : 110,72 ha
- + Số dân : 4.000 người
- + Công trình trọng điểm : Công viên ven sông Láng Ven
- + Tầng cao : 1-15 tầng

+ Định hướng tổ chức không gian khu ở hỗn hợp dọc đường D2; các công trình dịch vụ cấp đơn vị ở đảm bảo bán kính phục vụ tốt nhất, nằm trên đường N2 và đường Út An. Loại hình không gian chủ yếu là khu dân cư dự kiến phát triển (mật độ thấp). Tổ chức không gian cây xanh ven sông Láng Ven và ven các con rạch chính nhằm giữ gìn hệ thống kênh rạch, đảm bảo thoát nước và tạo cảnh quan cho đô thị.

**5.1.4. Khu ở 4:** Giới hạn bởi đường Nguyễn Văn Dương, đường D3, 824, ranh thị trấn (sông Láng Ven, sông Tra). Nằm phía Tây thị trấn Đức Hòa.

- + Tính chất: Khu dân cư dự kiến phát triển.
- + Diện tích : 159,25 ha
- + Số dân : 18.000 người
- + Công trình trọng điểm : Công viên ven sông Láng Ven
- + Tầng cao : 1-15 tầng

+ Định hướng tổ chức không gian khu ở hỗn hợp dọc đường D2 và đường Nguyễn Văn Dương ; Loại hình không gian chủ yếu là khu dân cư dự kiến phát triển (mật độ thấp). Tổ chức không gian cây xanh ven sông Láng Ven và sông Tra.

**1.55.1.5. Khu ở 5:** Giới hạn bởi đường 824, 825 và ranh thị trấn.

+ Tính chất: Khu dân cư hỗn hợp (Ở + TMDV)

+ Diện tích : 121,20 ha

+ Số dân : 8.000 người

+ Công trình trọng điểm : Khu giáo dục cấp vùng

+ Tầng cao : 1- 15 tầng

+ Định hướng tổ chức không gian khu ở hỗn hợp dọc đường 825, các công trình dịch vụ công cộng nằm tại giao lộ đường 824 và 825. Hình thức tổ chức không gian chủ yếu là khu dân cư hỗn hợp (nhà ở kết hợp Thương mại dịch vụ).

## **5.2. Hệ thống không gian chủ đạo**

5.2.1. Khu dân cư xây dựng mới, kết hợp dân cư hiện hữu chỉnh trang

Các khu dân cư hiện hữu (chỉnh trang) dọc theo đường tỉnh 824, đường tỉnh 825, đường Võ Văn Tây, đường D3, đường Nguyễn Văn Dương. Các khu vực còn lại tổ chức các nhóm ở xây dựng mới và các công trình công cộng phục vụ đô thị.

5.2.2. Khu trung tâm các đơn vị ở và trung tâm khu đô thị

Các công trình giáo dục như trường mầm non, trường tiểu học bố trí giữa gần với các công viên cây xanh, tạo môi trường giáo dục tốt.

Các công trình trong khu phức hợp, khu TMDV bố trí tại các nút giao thông cảnh quan chính như dọc đường tỉnh lộ 824, đường 825, đường Nguyễn Văn Dương, đường D3, đường D7.

Các công trình thương mại cao tầng được bố trí làm điểm đón cuối các trục không gian khung chính, nằm trên giao lộ các trục chính của đô thị.

## **5.3. Hệ thống các công trình điểm nhấn**

- Bố trí các công trình điểm nhấn tại các điểm nhìn chính trong đô thị

- Các công trình có chiều cao nổi trội, đột phá, có hình thức kiến trúc đặc biệt, thu hút sự chú ý thị giác như các công trình cao tầng trong khu thương mại dịch vụ, phát triển hỗn hợp,... khi thiết kế cần tạo được không gian phù hợp với tính chất công trình, gắn kết thân thiện với cảnh quan chung đô thị.

## **5.4. Hệ thống công viên, không gian mở**

- Các mảng không gian mở chính: Công viên thể dục thể thao, các công viên vườn hoa trong khu ở.

- Không gian mở dọc theo các trục giao thông, dọc theo kênh Láng Ven, kênh Sông Tra.

- Tại các công trình công cộng, thương mại dịch vụ, phát triển hỗn hợp cần tạo không gian mở trước mỗi công trình, tạo sự liên kết không gian xanh trong toàn khu đô thị.

## **6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

Từng giai đoạn thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

### **6.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng**

- Cao độ khống chế thấp nhất là +2,20m.

### **6.2. Thoát nước mưa**

Hệ thống thoát nước mưa xây dựng riêng với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt.

Toàn đô thị chia ra nhiều lưu vực thoát nước xuống sông Tra và kênh An Hạ, ra sông Vàm Cỏ Đông.

### **6.3. Giao thông**

6.3.1 Mạng lưới giao thông đường bộ như sau



STT	TÊN ĐƯỜNG	KÝ HIỆU	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG				
				LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG		
				trái	phải	trái	phân cách	phải
			m	m	m	m	m	m
<b>A</b>	<b>GIAO THÔNG CẤP ĐÔ THỊ (LIÊN KHU VỰC)</b>							
1	Đường 825 (đoạn từ ĐT 824 đến ranh xã Đức Hòa Hạ)	2-2	30	6	6	8	2	8
2	Đường 824 (đoạn từ cầu Tàu đến ranh xã Đức Hòa Hạ)	2-2	30	6	6	8	2	8
<b>B</b>	<b>GIAO THÔNG CẤP KHU VỰC ( KHU VỰC)</b>							
1	Đường Nguyễn Văn Dương (đoạn từ ranh xã Hòa Khánh Đông đến ĐT824)	3-3	30	5	5	9	2	9
2	Đường tỉnh 825 (đoạn từ cầu Láng Ven đến ĐT 824)	2-2	30	6	6	8	2	8
3	Đường D2 (đoạn từ ranh xã Đức Hòa Thượng đến 824)	3-3	30	5	5	9	2	9
4	Đường N7 (ranh xã ĐH Thượng đến giáp ranh xã ĐH Hạ)	2-2	30	5	5	9	2	9
<b>C</b>	<b>GIAO THÔNG CẤP PHÂN KHU VỰC (NỘI BỘ)</b>							
1	Đường Út An (đoạn từ đường D1 đến đường ĐT 824)	5-5	20	4	4	7		
2	Đường Võ Văn Tây (D2 đến giáp ranh xã	4-4	24	5	5	6	2	6

STT	TÊN ĐƯỜNG	KÝ HIỆU	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG				
				LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG		
				trái	phải	trái	phân cách	phải
			m	m	m	m	m	m
	ĐHHa)							
3	Đường N1(đoạn D1 đến ĐT 825)	7-7	15	4	4	12		
4	Đường N2 ( từ D1 đến ĐT 824)	3-3	30	5	5	9	2	9
5	Đường N3 (đoạn từ D1đến ĐT 824))	4-4	24	5	5	6	2	6
6	Đường N4 (đoạn từ D10 đến D11)	4-4	24	5	5	6	2	6
7	Đường N5 (đoạn từ D10 đến D11)	7-7	15	4	4	7		
8	Đường N6 (đoạn từ N10)	7-7	15	4	4	7		
9	Đường D1 (Cầu Láng Ven đến Nguyễn Văn Dương)	3-3	30	5	5	9	2	9
10	Đường D4 (đoạn từ N2 đến N3)	5-5	20	4	4	12		
11	Đường D5 (đoạn từ N2 đến N3)	5-5	15	4	4	7		
12	Đường D6 (đoạn từ Đ825 đến đường Út An)	5-5	20	4	4	7		
13	Đường D7 (đoạn từ ranh xã ĐHT đến Đ824)	1-1	30	4	4	12	4	12
14	Đường D8 ( từ đường Út An đến đường D10)	3-3	30	5	5	9	2	9
15	Đường D9 (N4 đến đường N5)	7-7	15	4	4	7		
16	Đường D10 (Từ N5 đến N4)	4-4	24	5	5	6	2	6
17	Đường D11 (từ Nguyễn Văn Dương đến N5)	6-6	24	5	5	14		

6.3.2. Giao thông đường thủy: Sông Vàm Cỏ Đông, Sông Tra, rạch Bến Kênh.

6.3.3. Công trình đầu mối phục vụ giao thông

- Bến xe

- Bến bãi và cảng hàng hóa: Rạch Bến Kênh sau chợ thị trấn Đức Hòa ra sông Tra và sông Vàm Cỏ Đông.

- Bãi đỗ xe trong các khu ở.

#### **6.4. Cấp nước**

- Nguồn nước: nguồn nước từ trạm cấp nước của nhà máy nước thị trấn Đức Hòa 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ và nguồn nước cấp từ nhà máy cấp nước Hòa Khánh Tây của Công ty Phú Mỹ Vinh từ đường ống  $\phi$ 800 trên đường tỉnh 824 với công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Xây dựng tuyến ống cấp nước chính  $\phi$ 200- $\phi$ 400 trên đường tỉnh 824, đường 825, Nguyễn Văn Dương, D2. Các tuyến ống này liên kết với nhau tạo thành mạng vòng khép kín cấp vào hệ thống của toàn khu.

#### **6.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường**

- Hệ thống thoát nước thải xây dựng riêng với hệ thống thoát mưa.

- Chỉ tiêu thu gom nước thải : 80% lưu lượng nước cấp.

- Tổng lưu lượng nước thoát : 10.065 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn tiếp nhận:

+ Xây mới 1 trạm xử lý nước thải cho thị trấn Đức Hòa nằm gần sông Tra, nằm gần đường D2 công suất Q1: 8.300m<sup>3</sup>/ngđ; Q2: 15.800m<sup>3</sup>/ngđ.

+ Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (giới hạn A), ra hồ kiểm soát trước khi xả ra sông Tra.

#### **\* Rác thải:**

- Chỉ tiêu thải chất thải rắn sinh hoạt : 1,0 kg/người.ngđ

- Tổng khối lượng rác thải : 65 tấn/ngđ.

- Hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn được thu gom từ các công trình mỗi ngày, sau đó đưa về khu xử lý chất thải rắn tập trung theo quy định.

\* **Nghĩa trang:** Quy hoạch nghĩa trang ngoài đô thị.

#### **6.6. Cấp điện**

- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng: 1000÷1500kWh/ng/năm.

- Nguồn điện Quốc gia từ trạm biến áp 110/22kV 2x63MVA Đức Hòa. Theo định hướng quy hoạch vùng và quy hoạch chung, về lâu dài cần xây dựng trạm biến áp Đức Hòa 2 =, 220/110kV – 2x250MVA nhằm cung cấp đủ nhu cầu phụ tải cho khu quy hoạch, khu vực lân cận và giảm tải cho các trạm biến áp 110/22kV trên.

- Tuyến trung thế: Theo định hướng quy hoạch chung xây dựng khu vực thị trấn Đức Hòa, xây dựng mới tuyến cáp ngầm trung thế 22kV dọc các tuyến đường chính trong khu quy hoạch từ trạm 110/22kV Đức Hòa sử dụng cáp ngầm cách điện XLPE 24kV đến cung cấp nguồn điện cho khu quy hoạch đấu nối các trạm biến áp phân phối vào lưới điện khu vực.

- Tuyến hạ thế: cải tạo, xây dựng mới lưới điện ngầm hạ thế từ bảng điện hạ thế tại trạm biến áp phân phối trên phân phối điện đến các phụ tải tiêu thụ, sử dụng cáp ngầm cách điện.

- Chiếu sáng: cải tạo, xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường, chiếu sáng công viên, vườn hoa... là hệ thống ngầm sử dụng đèn cao áp có công suất từ 100W-250W, trụ bát giác STK hình côn, tùy theo từng loại đường trong khu vực quy hoạch mà bố trí cho phù hợp, mỹ quan.

### **6.7. Thông tin liên lạc**

- Chỉ tiêu:

+ Khu dân cư : 25 máy/100 dân.

+ Công trình công cộng : 24 máy/ha.

+ Dự phòng : 5%

- Dự kiến nhu cầu thuê bao khu quy hoạch khoảng 15.400 thuê bao.

- Hệ thống thông tin liên lạc cho khu quy hoạch là hệ thống ngầm kết hợp nổi lâu dài sẽ được ngầm hóa.

- Nguồn: từ Trạm viễn thông thị trấn Đức Hòa.

### **7. Giải pháp bảo vệ môi trường**

- Xây dựng các khu xử lý, thu gom chất thải rắn.

- Xây dựng các giải pháp về quản lý, cơ chế chính sách.

- Xây dựng các chương trình quản lý, giám sát môi trường.

### **8. Các hạng mục ưu tiên đầu tư**

Các dự án ưu tiên đầu tư bao gồm:

- Đầu tư mở rộng tuyến 825 hiện hữu

- Đầu tư mở rộng đường Nguyễn Văn Dương, đường Út An;

- Đầu tư đường kết nối Đức Hòa – Hậu Nghĩa.

- Đầu tư hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải tập trung;

- Đẩy mạnh phát triển thương mại dịch vụ.

- Xây dựng trung tâm văn hóa.

- Đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình hạ tầng xã hội đô thị.

- Đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

## **9. Nguồn lực thực hiện**

Ngân sách nhà nước + kêu gọi xã hội hóa.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm**

- Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ đồ án quy hoạch, đóng dấu phê duyệt theo quy định.
- Tổ chức triển khai việc công bố, công khai đồ án quy hoạch phân khu đô thị thị trấn Đức Hòa được duyệt.
- Phối hợp với đơn vị tư vấn dự thảo trình UBND huyện ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.
- Cung cấp thông tin về quy hoạch khi có yêu cầu.
- Tham mưu UBND huyện quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy hoạch đã được duyệt.
- Tổ chức thực hiện việc cắm mốc giới ngoài thực địa theo quy định.

#### **2. UBND thị trấn Đức Hòa có trách nhiệm**

- Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, đơn vị tư vấn trong việc công bố, công khai đồ án quy hoạch phân khu được duyệt và việc xây dựng dự thảo quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.
- Quản lý, kiểm tra, giám sát việc xây dựng trên địa bàn theo quy hoạch đã được duyệt.

#### **3. Các cơ quan liên quan**

##### **3.1. Phòng Tài chính kế hoạch**

- Trên cơ sở quy hoạch phân khu được duyệt, triển khai lập danh mục kêu gọi đầu tư các dự án phù hợp theo quy hoạch.
- Tham mưu bố trí vốn để triển khai các quy hoạch chi tiết tại khu vực khi có yêu cầu.

##### **3.2. Phòng Tài nguyên Môi trường**

- Phối hợp trong việc quản lý thực hiện quy hoạch (trong công tác quy hoạch sử dụng đất, lập kế hoạch sử dụng đất).
- Tham mưu các giải pháp về quản lý, cơ chế chính sách, chương trình quản lý, giám sát môi trường đô thị.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Thủ trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Trung tâm Văn hóa,

Thông tin và Truyền thanh; Chủ tịch UBND thị trấn Đức Hòa; Giám đốc Trung tâm quy hoạch xây dựng Long An và thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Sở Xây dựng;
  - TT. HU, TT. HĐND huyện (thay b/c);
  - Như Điều 3;
  - CT, các PCT UBND huyện;
  - Phòng KT&HT (07b);
  - CVP, PVP, NC;
  - Lưu: VT.
- (264\_D:\Hoa\Congvandi\_2019\Kinhtesanhxuat\Xaydung)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Trung**